

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-28

0014
CH
CƠ
HÃN
1/1/4

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600271092 (số ĐKKD cũ: 4703000267) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Khôi Phục	Chủ tịch
Ông Hà Văn Sơn	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khâm	Ủy viên
Ông Lê Phước Hùng	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Trong	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Văn Sơn	Giám đốc
Ông Đỗ Văn Trong	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vương Thị Kim Đước	Trưởng ban
Ông Nguyễn Diên Anh Khoa	Thành viên
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

1105-
NHÀ
CỔ PHẦN
KIỂM
AASI
TP. HCM

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Văn Sơn

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Số: 290318.005/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		111.062.452.978	198.579.032.335
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	48.514.385.972	59.150.917.119
111	1. Tiền		2.014.385.972	1.350.917.119
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.500.000.000	57.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	34.000.000.000	98.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		34.000.000.000	98.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.016.265.271	5.290.747.547
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		157.276.435	157.276.435
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	872.165.000	3.183.980.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.174.615.271	2.137.282.547
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(187.791.435)	(187.791.435)
140	IV. Hàng tồn kho	8	26.514.408.667	35.486.876.526
141	1. Hàng tồn kho		28.880.618.494	35.486.876.526
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.366.209.827)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.393.068	150.491.143
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	17.393.068	150.491.143
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		78.441.931.813	63.271.293.026
220	II. Tài sản cố định		21.135.716.916	25.347.025.280
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.738.396.680	15.788.169.284
222	- Nguyên giá		71.243.807.902	71.631.912.997
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.505.411.222)	(55.843.743.713)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.397.320.236	9.558.855.996
228	- Nguyên giá		10.725.800.713	10.725.800.713
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.328.480.477)	(1.166.944.717)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		28.752.219.082	5.950.192.939
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	28.752.219.082	5.950.192.939
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.250.000.000	11.250.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	11.250.000.000	11.250.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.303.995.815	20.724.074.807
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	17.303.995.815	20.724.074.807
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		189.504.384.791	261.850.325.361

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.096.017.497	25.385.743.179
310	I. Nợ ngắn hạn		23.096.017.497	25.385.743.179
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	8.597.700.304	6.096.383.908
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.654.545	2.329.781.023
314	3. Phải trả người lao động		1.349.300.945	5.939.823.116
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	274.483.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	9.273.429.667	9.273.429.667
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.595.449.036	1.746.325.465
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		166.408.367.294	236.464.582.182
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	166.408.367.294	236.464.582.182
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		67.500.000.000	67.500.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		67.500.000.000	67.500.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		6.750.000.000	4.500.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		113.761.813.170	106.709.922.350
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.603.445.876)	57.754.659.832
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		-	2.907.976.989
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(21.603.445.876)	54.846.682.843
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		189.504.384.791	261.850.325.361



Lê Thị Anh
Người lập



Lê Thị Anh
Kế toán trưởng




Hà Văn Sơn
Giám đốc


Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	133.743.591.700	236.343.884.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		133.743.591.700	236.343.884.000
11	4. Giá vốn hàng bán	19	157.625.062.268	169.908.463.537
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(23.881.470.568)	66.435.420.463
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	7.896.392.403	8.925.117.805
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	34.123.000	80.106.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.248.818.075	10.623.616.984
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.268.019.240)	64.656.815.284
31	11. Thu nhập khác	23	656.110.042	1.079.325.952
32	12. Chi phí khác	24	991.536.678	736.252.200
40	13. Lợi nhuận khác		(335.426.636)	343.073.752
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(21.603.445.876)	64.999.889.036
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	10.153.206.193
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(21.603.445.876)	54.846.682.843
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(3.201)	7.069


Lê Thị Anh
Người lập


Lê Thị Anh
Kế toán trưởng


Hà Văn Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(21.603.445.876)	64.999.889.036
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.209.250.769	5.420.095.141
03	- Các khoản dự phòng		2.366.209.827	30.515.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.150.884.290)	(8.624.445.428)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(22.178.869.570)	61.826.053.749
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.486.091.460	(3.037.140.685)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.606.258.032	1.240.797.266
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.885.643.060)	2.400.504.204
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.420.078.992	1.686.430.099
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.253.206.193)	(10.753.719.669)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		29.890.000	163.677.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.199.511.941)	(6.801.388.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.974.912.280)	46.725.213.964
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(23.376.446.143)	(6.953.496.939)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		125.000.000	181.341.682
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(104.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		64.500.000.000	61.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.589.827.276	8.392.745.129
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49.838.381.133	(41.379.410.128)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(40.500.000.000)	(15.750.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.500.000.000)	(15.750.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.636.531.147)	(10.404.196.164)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.150.917.119	69.555.113.283
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		48.514.385.972	59.150.917.119

Lê Thị Anh
Người lập

Lê Thị Anh
Kế toán trưởng

Hà Văn Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600271092 (số ĐKKD cũ: 4703000267) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 67.500.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 67.500.000.000 VND; tương đương 6.750.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi khác: rắn, ba ba, cá sấu;
- Sản xuất nguyên liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2017, giá thị trường heo thịt thương phẩm và heo giống giảm sâu kéo dài, nguồn cung dư nhiều trong khi nhu cầu lại giảm sâu. Tình hình thị trường giảm sút như vậy đã ảnh hưởng rất lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung của Công ty, khiến cho doanh thu giảm mạnh và kéo theo khoản lỗ lớn trong năm nay.

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Trại chăn nuôi heo Phú Sơn	Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi heo Phước Tân	Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi heo Long Thành	Xã Long An, huyện Long Thành, Đồng Nai	Chăn nuôi heo

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Súc vật làm việc và cho sản phẩm	04	năm
- Quyền sử dụng đất	15 - 45	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



2.13 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

01111
CHI N
CÔNG T
NG KI
AA
4-TP.

b) Ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 11, thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	269.901.546	66.450.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.744.484.426	1.284.466.226
Các khoản tương đương tiền (*)	46.500.000.000	57.800.000.000
	48.514.385.972	59.150.917.119

(*) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng có giá trị 46.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7 %/năm đến 5,3 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	34.000.000.000	34.000.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000
	34.000.000.000	34.000.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000

Tại ngày 31/12/2017, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 04 tháng đến 06 tháng có giá trị 34.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4 %/năm đến 6,1 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty CP Đầu tư và Quản lý khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-
	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	Tỉnh Đồng Nai	28,57%	28,57%	Đầu tư xây dựng và dịch vụ

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Phúc Hiếu	-	-	2.975.365.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tu Sa	650.000.000	-	-	-
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bảo Phúc Long	120.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	102.165.000	(30.515.000)	208.615.000	(30.515.000)
	872.165.000	(30.515.000)	3.183.980.000	(30.515.000)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	796.268.053	-	1.717.756.944	-
Phải thu về BHXH, BHYT của CB-CNV	257.647.218	-	261.325.603	-
Phải thu tiền bà Diệp Thị Thanh Quý - làm thất thoát quỹ	70.700.000	-	108.200.000	-
Phải thu công ty CP Chứng khoán Phương Đông	50.000.000	-	50.000.000	-
	1.174.615.271	-	2.137.282.547	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ông Phan Trung Kiên	157.276.435	-	157.276.435	-
- Công ty TNHH MTV Đất Quê	30.515.000	-	30.515.000	-
	187.791.435	-	187.791.435	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.434.290.568	-	13.974.007.781	-
Công cụ, dụng cụ	13.475.000	-	8.525.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.432.852.926	(2.366.209.827)	21.504.343.745	-
	28.880.618.494	(2.366.209.827)	35.486.876.526	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án xây dựng trại heo nái sinh sản tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc (*)	28.672.527.320	5.920.126.000
- Dự án xây dựng trại heo cai sữa và heo thịt tại xã Xuân Phú - Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc	30.066.939	30.066.939
- Khu dân cư 6,8 ha tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	49.624.823	-
	28.752.219.082	5.950.192.939

(*) Dự án với tổng mức đầu tư là 175.124.650.954 VND, thực hiện bằng nguồn vốn tự có của Công ty và vốn vay ngân hàng, thời gian thực hiện dự án từ năm 2015 đến năm 2018, được triển khai theo Quyết định số 28/QĐPS ngày 22/12/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt dự án đầu tư Trại heo nái sinh sản tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với quy mô 4.800 con trên tổng diện tích 217.729 m².

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	52.750.809.754	12.279.135.787	4.248.572.000	224.000.000	2.129.395.456	71.631.912.997
- Mua trong năm	-	574.420.000	-	-	-	574.420.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(962.525.095)	(962.525.095)
Số dư cuối năm	52.750.809.754	12.853.555.787	4.248.572.000	224.000.000	1.166.870.361	71.243.807.902
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.176.816.753	10.284.636.323	1.530.832.902	224.000.000	627.457.735	55.843.743.713
- Khấu hao trong năm	2.361.586.350	746.097.426	566.303.333	-	373.727.899	4.047.715.009
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(386.047.500)	(386.047.500)
Số dư cuối năm	45.538.403.103	11.030.733.749	2.097.136.235	224.000.000	615.138.134	59.505.411.222
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.573.993.001	1.994.499.464	2.717.739.098	-	1.501.937.721	15.788.169.284
Tại ngày cuối năm	7.212.406.651	1.822.822.038	2.151.435.765	-	551.732.227	11.738.396.680

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.347.877.197 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Số dư cuối năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.083.601.699	83.343.018	1.166.944.717
- Khấu hao trong năm	161.535.760	-	161.535.760
Số dư cuối năm	1.245.137.459	83.343.018	1.328.480.477
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.558.855.996	-	9.558.855.996
Tại ngày cuối năm	9.397.320.236	-	9.397.320.236

(*) Trong giá trị Quyền sử dụng đất tại 31/12/2017, giá trị quyền sử dụng đất tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc với tổng nguyên giá là 5.703.462.695 VND. Đây là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài mua để triển khai dự án phát triển Công ty trong tương lai. Đến thời điểm 31/12/2017, các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty vẫn đang được hoàn tất.

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.343.018 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Giá trị đàn heo nái, heo đực cơ bản	12.263.192.198	15.502.398.338
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	273.392.249	86.137.497
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	-	207.284.167
Chi phí thuê đất khu liên hợp công nông nghiệp Dofico (*)	4.767.411.368	4.928.254.805
	17.303.995.815	20.724.074.807

(*) Theo hợp đồng thuê mặt bằng số 08/2014/HĐ-QGRO ngày 12/06/2014 giữa Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai để đầu tư dự án xây dựng trại heo mới, tổng giá trị hợp đồng thuê là 7.881.328.400 VND (bao gồm VAT), thời hạn thuê 49 năm, thanh toán thành 3 đợt (đợt 1 thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng số tiền 2.627.109.400 VND, đợt 2 thanh toán trong quý I/2015 số tiền 2.627.109.500 VND, đợt 3 thanh toán trong quý I/2016 số tiền 2.627.109.500 VND). Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã thanh toán xong tiền thuê đất đợt 2.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Phúc Hiếu	1.597.040.000	1.597.040.000	-	-
- Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất Thức ăn gia súc (Proconco)	1.009.326.084	1.009.326.084	1.828.626.685	1.828.626.685
- Công ty TNHH Toàn Gia Phát Đạt	908.682.600	908.682.600	482.191.450	482.191.450
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	898.983.800	898.983.800	526.491.640	526.491.640
- Công ty TNHH Minh Phát Huy	704.813.000	704.813.000	-	-
- Công ty TNHH Phú Quý An Khang	451.379.900	451.379.900	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	3.027.474.920	3.027.474.920	3.259.074.133	3.259.074.133
	8.597.700.304	8.597.700.304	6.096.383.908	6.096.383.908

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	13.789.455	42.545.458	51.880.368	-	4.454.545
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.253.206.193	-	2.253.206.193	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	62.785.375	1.052.718.404	1.114.303.779	-	1.200.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	150.491.143	-	178.148.111	45.050.036	17.393.068	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	150.491.143	2.329.781.023	1.283.411.973	3.474.440.376	17.393.068	5.654.545

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí phải trả Công ty TNHH Phú Hoàng Gia công trình hầm biogas	274.483.000	-
	274.483.000	-

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.300.500	1.300.500
- Phải trả cho công ty TNHH Hoài Nam - Hoài Bắc	432.608.767	432.608.767
- Tiền di dời trại Đông Phương (*)	8.816.320.400	8.816.320.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.200.000	23.200.000
	9.273.429.667	9.273.429.667

(*) Số tiền bồi thường, hỗ trợ di dời theo Quyết định số 6496/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND Thành phố Biên Hòa về việc bồi thường, hỗ trợ cho trại heo Đông Phương của Công ty tại khu phố 10 phường Hồ Nai, do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải số 01 tại phường Hồ Nai, Thành phố Biên Hòa. Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn sử dụng số tiền này để đầu tư dự án xây dựng trại heo mới tại vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark) tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Khi dự án di dời hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty sẽ trình Sở ban ngành liên quan phê duyệt để quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ này.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	4.500.000.000	106.234.104.677	49.346.067.840	205.080.172.517
Lãi trong năm trước	-	-	-	54.846.682.843	54.846.682.843
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	475.817.673	(475.817.673)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.914.451.810)	(6.914.451.810)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(797.821.368)	(797.821.368)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	22.500.000.000	-	-	(22.500.000.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(15.750.000.000)	(15.750.000.000)
Số dư cuối năm trước	67.500.000.000	4.500.000.000	106.709.922.350	57.754.659.832	236.464.582.182
Số dư đầu năm nay	67.500.000.000	4.500.000.000	106.709.922.350	57.754.659.832	236.464.582.182
Tăng vốn trong năm nay	-	2.250.000.000	-	(2.250.000.000)	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(21.603.445.876)	(21.603.445.876)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.051.890.820	(7.051.890.820)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(7.130.068.770)	(7.130.068.770)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(822.700.242)	(822.700.242)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(40.500.000.000)	(40.500.000.000)
Số dư cuối năm này	67.500.000.000	6.750.000.000	113.761.813.170	(21.603.445.876)	166.408.367.294



Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 35/NQ-ĐH ngày 14 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	57.754.659.832
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,21%	7.051.890.820
Tăng vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	3,90%	2.250.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,35%	7.130.068.770
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	1,42%	822.700.242
Chi trả cổ tức (bằng 60% vốn điều lệ)	70,12%	40.500.000.000

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	73,56%	49.651.320.000	73,56%	49.651.320.000
- Các cổ đông khác	26,44%	17.848.680.000	26,44%	17.848.680.000
	100%	67.500.000.000	100%	67.500.000.000

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	67.500.000.000	67.500.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	67.500.000.000	45.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	22.500.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	67.500.000.000	67.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(40.500.000.000)	(15.750.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(40.500.000.000)	(15.750.000.000)

	31/12/2017	01/01/2017
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.750.000	6.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.750.000	6.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.750.000	6.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.750.000	6.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.750.000	6.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
e) Các quỹ công ty		
Quỹ đầu tư phát triển	113.761.813.170	106.709.922.350
	113.761.813.170	106.709.922.350

.1110
HI NI
ÔNG T
IG KI
AA
4-TP

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	133.743.591.700	236.343.884.000
	133.743.591.700	236.343.884.000
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	2.921.000	34.894.000

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	155.258.852.441	169.908.463.537
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.366.209.827	-
	157.625.062.268	169.908.463.537

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.287.489.385	7.997.534.317
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	228.054.018	252.583.488
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.380.849.000	675.000.000
	7.896.392.403	8.925.117.805

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	34.123.000	53.197.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	10.109.000
Chi phí khác bằng tiền	-	16.800.000
	34.123.000	80.106.000

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.351.477.084	7.140.168.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	437.528.824	312.906.951
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	23.469.236
Chi phí dự phòng	-	30.515.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.824.283	46.159.202
Chi phí khác bằng tiền	1.272.987.884	3.070.398.142
	5.248.818.075	10.623.616.984

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập chuyển nhượng bất động sản	-	336.196.000
Thu nhập cho thuê kho, mặt bằng	207.272.724	260.454.543
Thu nhập từ bán khí biogas	218.181.818	199.999.998
Thu tiền bán phân, tiền trồng mía	125.000.000	-
Thu nhập khác	105.655.500	282.675.411
	656.110.042	1.079.325.952

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	517.454.095	116.855.377
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	244.000.000
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt vi phạm môi trường	8.000.000	263.666.300
Chi thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	124.800.000	110.400.000
Chi phí bồi thường thiệt hại heo giống	295.000.000	-
Chi phí khác	46.282.583	1.330.523
	991.536.678	736.252.200

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.603.445.876)	64.999.889.036
Các khoản điều chỉnh tăng	427.800.000	374.066.300
- Chi phí không hợp lệ	295.000.000	374.066.300
- Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	124.800.000	-
- Phạt vi phạm hành chính	8.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.380.849.000)	(675.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.380.849.000)	(675.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(22.556.494.876)	64.698.955.336
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (thuế suất 15%)	-	55.731.697.479
- Thu nhập từ hoạt động khác (thuế suất 20%)	-	8.967.257.857
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	10.153.206.193
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 15%)	-	8.359.754.622
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	1.793.451.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	2.853.719.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(10.753.719.669)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	2.253.206.193

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(21.603.445.876)	54.846.682.843
Các khoản điều chỉnh	-	(7.130.068.770)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(7.130.068.770)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(21.603.445.876)	47.716.614.073
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.750.000	6.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.201)	7.069

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.496.308.729	138.557.125.757
Chi phí nhân công	16.481.136.674	25.815.537.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.209.250.769	5.420.095.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.866.182.783	2.718.646.856
Chi phí khác bằng tiền	2.483.113.363	5.703.336.785
	149.535.992.318	178.214.742.251

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.514.385.972	-	59.150.917.119	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.331.891.706	(157.276.435)	2.294.558.982	(157.276.435)
Các khoản cho vay	34.000.000.000	-	98.500.000.000	-
	83.846.277.678	(157.276.435)	159.945.476.101	(157.276.435)
	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			17.871.129.971	15.369.813.575
Chi phí phải trả			274.483.000	-
			18.145.612.971	15.369.813.575

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.514.385.972	-	-	48.514.385.972
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.174.615.271	-	-	1.174.615.271
	49.689.001.243	-	-	49.689.001.243
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.150.917.119	-	-	59.150.917.119
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.137.282.547	-	-	2.137.282.547
	61.288.199.666	-	-	61.288.199.666

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.871.129.971	-	-	17.871.129.971
Chi phí phải trả	274.483.000	-	-	274.483.000
	18.145.612.971	-	-	18.145.612.971
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.369.813.575	-	-	15.369.813.575
	15.369.813.575	-	-	15.369.813.575

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH :

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty chỉ có doanh thu từ hoạt động kinh doanh chăn nuôi heo và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.921.000	34.894.000
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	34.894.000
- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên	Chi nhánh trực thuộc công ty mẹ	2.921.000	-
Mua nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ		18.922.000	46.558.000
- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên	Chi nhánh trực thuộc công ty mẹ	18.922.000	46.558.000



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	527.835.000	532.151.000
Thu nhập của HĐQT và người quản lý khác	1.115.582.400	1.461.594.000
	<u>1.643.417.400</u>	<u>1.993.745.000</u>

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Lê Thị Anh
Người lập


Lê Thị Anh
Kế toán trưởng



Hà Văn Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

